TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2018/HNGĐ-PT
Ngày 22-5-2018
V/v tranh chấp về Hôn nhân và gia đình, ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông: Huỳnh Thanh Tâm

Các Thẩm phán: Ông Ngô Dũng;

Ông Trần Hoàng Vũ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Điệp, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang: Ông Huỳnh Thanh Phước, Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Trong ngày 22 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2018/TLPT-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2018 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình, ly hôn;

Do bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 109/2017/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện Y, tỉnh An Giang bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 128/2018/QĐ-PT ngày 24 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị A, sinh năm 1997; nơi cư trú: Tổ 3, ấp C, xã H, huyện Y, tỉnh An Giang, có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1993; nơi cư trú: Tổ 3, ấp C, xã H, huyện Y, tỉnh An Giang, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Nguyễn Thị A với anh Nguyễn Văn B quen biết, tìm hiểu nhau, tự nguyện chung sống với nhau, được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn ngày 21-5-2015 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Y.

Quá trình chung sống chị A và anh B có một con chung tên Nguyễn Thị Mỹ T, sinh ngày 04-7-2015. Sau thời gian chung sống, giữa chị A và anh B phát sinh mâu thuẫn về tình cảm, bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi nhau. Chị A khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh B, yêu cầu được nuôi con chung là cháu Mỹ T, không

yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung không yêu cầu Toà án giải quyết, nợ chung không có.

Anh Nguyễn Văn B cho rằng mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng quan điểm sống, tiền bạc không rõ ràng, thường xuyên cự cãi nhau, cả hai không còn chung sống với nhau nhưng anh vẫn còn thương vợ, không đồng ý ly hôn. Nếu ly hôn thì yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung không yêu cầu Toà án giải quyết, nợ chung không có.

Tại Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 109/2017/HNGĐ-ST ngày 28-12-2017 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh An Giang đã quyết định:

- Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị A.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị A được ly hôn với anh Nguyễn Văn B.

- Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị A được nuôi dưỡng chăm sóc con chung Nguyễn Thị Mỹ T, sinh ngày 04-7-2015.

Anh Nguyễn Văn B có nghĩa vụ giao cháu Nguyễn Thị Mỹ T sinh ngày 04-7-2015 cho chị Nguyễn Thị A trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của anh B cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000đ/tháng cho đến khi con chung trưởng thành.

Anh B không trực tiếp nuôi con chung nhưng anh có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh B thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Toà án xem xét và quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ghi nhận chị A và anh B không có nợ chung. Nhưng sau khi bản án này có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của anh chị trong thời kỳ sống chung thì chị A và anh B vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 11-01-2018, anh Nguyễn Văn B có đơn kháng cáo yêu cầu được nuôi con chung là cháu Nguyễn Thị Mỹ T, sinh ngày 04-7-2015.

Tại phiên toà phúc thẩm, anh B vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, yêu cầu được nuôi dạy con chung; không đồng ý ly hôn chị A vì còn tình cảm.

Chị A thống nhất kết quả giải quyết của án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án, Thẩm phán đã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; chấp hành

đúng quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, gửi, tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và người tham gia tố tụng theo đúng quy định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố Tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm, đảm bảo đúng các nguyên tắc, phạm vi xét xử, thành phần và sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và thủ tục phiên tòa được đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án, tại phiên tòa các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73 và Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của anh B, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 109/2017/HNGĐ-ST ngày 28-12-2017 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh An Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo ngày 11-01-2018 của anh Nguyễn Văn B nộp trong hạn luật định và có nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên được chấp nhận xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Chị A và anh B chung sống với nhau có đăng ký kết hôn phù hợp với quy định của pháp luật về Hôn nhân và gia đình nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, chị A và anh B có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Mỹ T, sinh ngày 04-7-2015. Thời gian đầu, cuộc sống vợ chồng có hạnh phúc. Sau đó, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn về tình cảm gia đình, thường xuyên cự cãi nhau. Đến tháng 6 năm 2017, chị A và anh B không còn chung sống với nhau cho đến nay.

Căn cứ vào lời khai của các bên thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do mâu thuẫn về tiền bạc, từ đó dẫn đến mâu thuẫn tình cảm, mặc dù đã được hoà giải tại tại cơ sở nhưng cả hai không hàn gắn tình cảm, nghi ngờ lẫn nhau và đã không còn chung sống trong thời gian dài. Về phía anh B cho rằng còn thương vợ, không đồng ý ly hôn nhưng lại không tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng và có ý kiến trình bày nếu vợ không bắt con thì đồng ý ly hôn, cho thấy anh B không có thiện chí hàn gắn tình cảm. Do đó, Toà án cấp sơ thẩm xác định mâu thuẫn vợ chồng là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, để chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị A là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Sau khi xét xử sơ thẩm, anh B không kháng cáo về quan hệ hôn nhân mà chỉ kháng cáo yêu cầu được nuôi con chung. Tại phiên toà phúc thẩm, anh B cho rằng vẫn còn tình cảm với chị A nên không đồng ý ly hôn, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận.

Về con chung, anh B cho rằng chị A đi làm công ty không có điều kiện chăm sóc, nuôi dạy con. Cháu Mỹ T do anh đang nuôi dạy tốt và có cung cấp sổ tiêm chủng. Theo trình bày của các đương sự thì sau khi không còn chung sống với nhau từ tháng 6 năm 2017, cháu Mỹ T do chị A nuôi dạy. Sau đó, phía anh B đến thăm, mang cháu T về nhà chơi và giữ lại nuôi. Chị A có yêu cầu mang cháu T về nuôi nhưng phía anh B không đồng ý. Từ đó, thường dẫn đến cự cãi nhau mỗi khi chị A đến thăm con. Cháu Mỹ T sinh ngày 04-7-2015, tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm và phúc thẩm, cháu chưa đủ 36 tháng tuổi. Cháu Mỹ T là gái nên trong quá trình phát triển rất cần sự chăm sóc, nuôi dạy của mẹ nhằm bảo đảm phát triển tốt về tâm sinh lý nữ. Mặc dù, anh B vẫn có thể nuôi dạy cháu Mỹ T tốt nhưng cũng không thể hiểu biết về tâm sinh lý bé gái như chị A. Mặt khác, theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi. Chị A có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, bảo đảm đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dạy con. Do đó, Toà án cấp sơ thẩm đã xét xử buộc anh B giao cháu Mỹ T cho chị A chăm sóc, nuôi dạy là có căn cứ. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh B là phù hợp. Anh B kháng cáo yêu cầu được nuôi con chung là không có cơ sở chấp nhận.

Tuy nhiên, nếu có những căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình thì anh B cũng có thể yêu cầu Toà án xem xét quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng, tại phiên toà sơ thẩm, anh B đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng và đã được cấp sơ thẩm ghi nhận sự tự nguyện. Tại phiên toà phúc thẩm, anh B vẫn đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 6 năm 2018 cho đến khi cháu Mỹ T đủ 18 tuổi.

Xét đây là sự tự nguyện không trái quy định của pháp luật và vì lợi ích của cháu Mỹ T. Toà án cấp sơ thẩm đã công nhận sự tự nguyện của anh B cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng là có cơ sở nhưng không quy định về thời gian cấp dưỡng là có thiếu sót. Xét cần thiết sửa án sơ thẩm về cách tuyên việc cấp dưỡng nuôi con chung cho phù hợp và để bảo đảm cho việc thi hành án.

Công nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Văn B cấp dưỡng nuôi cháu Mỹ T mỗi tháng 1.000.000 đồng, kể từ ngày 01-6-2018 cho đến khi cháu Mỹ T đủ 18 tuổi.

[3] Về án phí:

Do sửa án sơ thẩm nên anh B không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả lại cho anh B tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308; khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Văn B.

Chị Nguyễn Thị A được ly hôn anh Nguyễn Văn B.

Anh Nguyễn Văn B có trách nhiệm giao cháu Nguyễn Thị Mỹ T, sinh ngày 04-7-2015 cho chị Nguyễn Thị A trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng.

Sửa Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số109/2017/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện Y về phần cấp dưỡng nuôi con chung:

Công nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Văn B cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Nguyễn Thị Mỹ T, sinh ngày 04-7-2015 mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng), kể từ ngày 01-6-2018 cho đến khi cháu Mỹ T đủ 18 tuổi.

Về án phí phúc thẩm: Anh B không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả cho anh B tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000905 ngày 17-01-2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y.

Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hôn nhân gia đình phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TANDCC tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh An Giang ;
- TAND huyện Y;
- THADS huyện Y;
- Tòa Dân sự;
- Phòng KTNV và THA;
- Văn phòng;
- Các đương sự (Để thi hành);
- Lưu HS.

Huỳnh Thanh Tâm